

Số: TVHV-05/THOA

Thanh Hóa, ngày 11 tháng 02 năm 2026

## BẢN TIN DỰ BÁO, CẢNH BÁO THỦY VĂN THỜI HẠN VỪA TỈNH THANH HÓA

### 1. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Thượng lưu sông Mã, sông Chu và các sông nhánh (sông Âm, Sông Bưởi):  
Mức nước trên các sông biến đổi chậm theo xu thế xuống thấp dần.

Hạ lưu sông Mã, sông Chu (vùng không ảnh hưởng triều) dao động theo điều tiết từ các hồ chứa thủy lợi, thủy điện.

Hạ lưu sông Mã (vùng sông ảnh hưởng triều): dao động theo thủy triều.

Lưu vực sông Yên: dao động theo thủy triều.

Mức nước trung bình tuần tại các trạm phổ biến cao hơn TBNN cùng kỳ, riêng hạ lưu sông Mã tại TV Lý Nhân, sông Chu tại TV xuân Khánh, sông Bưởi tại TV Kim Tân ở mức thấp hơn so với TBNN cùng kỳ.

### Tình hình hồ chứa:

Mức nước tại các hồ đập lớn trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa tính đến thời điểm 7h/11/02 tại một số hồ như sau: Hồ Trung Sơn ở mức 159.27m, thấp hơn so với MNDBT là 0.73m, đạt 97.5% so với dung tích ứng với MNDBT; hồ Cửa Đạt ở mức 104.84m, thấp hơn MNDBT là 5.16m, đạt 86.0% so với dung tích ứng với MNDBT; hồ Hòa Na (tỉnh Nghệ An) ở mức 236.57m, thấp hơn so với MNDBT là 3.43m, đạt 87.8% so với dung tích ứng với MNDBT; hồ Sông Mực ở mức 32.74m, thấp hơn MNDBT là 0.26m, đạt 96.8% so với dung tích ứng với MNDBT; hồ Yên Mỹ ở mức 18.06m, thấp hơn MNDBT là 2.30m, đạt 91.3% so với dung tích dự trữ.

### 2. Dự báo, cảnh báo:

Thượng lưu sông Mã, sông Chu và các sông nhánh (sông Âm, Sông Bưởi):  
Mức nước trên các sông biến đổi chậm theo xu thế xuống thấp dần.

Hạ lưu sông Mã, sông Chu (vùng sông không ảnh hưởng triều) dao động theo điều tiết từ các hồ chứa thủy lợi, thủy điện.

Mức nước lớn nhất tuần có khả năng xuất hiện vào thời kỳ đầu tuần, mức nước nhỏ nhất tuần có khả năng xuất hiện vào thời kỳ cuối tuần, mức nước trung bình tuần tại các trạm hạ lưu sông Mã, sông Chu, sông Bưởi ở mức thấp hơn so với TBNN cùng kỳ.

Hạ lưu sông Mã (vùng sông ảnh hưởng triều): dao động theo thủy triều.

Lưu vực sông Yên: dao động theo thủy triều.

Mức nước lớn nhất tuần ở mức thấp hơn so với tuần trước và có khả năng xuất hiện vào cuối tuần; mức nước nhỏ nhất tuần ở mức cao hơn so với tuần trước và có

khả năng xuất hiện vào ngày cuối tuần; mực nước trung bình tuần ở mức cao hơn so với TBNN cùng kỳ.

Khả năng xuất hiện các hiện tượng thủy văn nguy hiểm trong thời hạn dự báo: Đề phòng có khả năng xảy ra xâm nhập mặn ở vùng cửa sông ven biển.

Khả năng tác động đến môi trường, điều kiện sống, cơ sở hạ tầng, các hoạt động kinh tế - xã hội: Xâm nhập mặn có khả năng gây ra thiếu nước cục bộ cho sinh hoạt, tưới tiêu và sản xuất nông nghiệp tại một số thời điểm do xâm mặn lấn sâu vào vùng Cửa sông ven biển.

**Thời gian ban hành bản tin tiếp theo: 15h55 ngày 21/02/2026**

**Tin phát lúc: 15h55 ngày 11/02/2026.**

Dự báo viên: Nguyễn Danh Lam

GIÁM ĐỐC



NGUYỄN VĂN MINH

**Phụ lục 1**

**Bảng 1: Bảng mực nước thực đo và dự báo các trạm.**

Đơn vị: cm

Sông	Trạm	Thực đo 10 ngày qua			Dự báo								
					5 ngày đầu			5 ngày cuối			Đặc trưng 10 ngày		
		Trung bình	Cao nhất	Thấp nhất	Trung bình	Cao nhất	Thấp nhất	Trung bình	Cao nhất	Thấp nhất	Trung bình	Cao nhất	Thấp nhất
Mã	Mường Lát	16405	16420	16385	16400	16415	16380	16395	16410	16375	16398	16415	16375
-	Hồi Xuân	5391	5417	5347	5385	5415	5345	5380	5410	5340	5383	5415	5340
-	Cầm Thủy	1179	1256	1137	1175	1255	1135	1170	1250	1130	1173	1255	1130
-	Lý Nhân	155	204	111	150	200	110	145	195	105	148	200	105
-	Giàng	48	193	-103	45	160	-70	40	170	-80	43	170	-80
-	Quảng châu	28	170	-127	25	130	-90	20	140	-100	23	140	-100
Lèn	Lèn	90	242	-56	87	200	-20	82	210	-30	85	210	-30
-	Cụ Thôn	78	227	-66	75	190	-30	70	200	-40	73	200	-40
Âm	Làng Chánh	4684	4687	4683	4684	4686	4683	4683	4685	4682	4684	4686	4682
Chu	Cửa Đạt	2734	2750	2683	2730	2750	2680	2725	2745	2675	2728	2750	2675
-	Bái Thượng	1100	1127	1016	1095	1125	1015	1090	1120	1012	1093	1125	1012
-	Xuân Khánh	131	178	92	125	175	90	120	170	88	123	175	88
Buổi	Thạch Quảng	643	664	639	640	660	635	637	655	630	639	660	630
-	Kim Tân	192	206	181	190	205	180	185	200	175	188	205	175
Yên	Chuối	48	120	-21	45	80	-5	40	90	-15	43	90	-15
-	Ngọc Trà	22	137	-99	20	100	-65	15	110	-75	18	110	-75

**Ghi chú:** TBNN: Trung bình nhiều năm; MNDBT: Mực nước dâng bình thường; DTTK: Dung tích thiết kế.

**Phụ lục 2**  
**Đường quá trình diễn biến mực nước thực đo và dự báo các trạm.**



